

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 253/2022/DS-PT
Ngày: 12- 10 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Quốc**

Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

Bà **Võ Bích Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Trang**- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Hồng Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về: “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DSST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 102/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông **Trần Hữu P**, sinh năm: 1966.

2. Bà **Trần Thúy P1**, sinh năm: 1970.

Cùng địa chỉ: C - 14, tổ C, khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà **Trần Thúy P1**. (Văn bản ủy quyền ngày 17/6/2020). (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Trần Quang P2**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: G, đường số A, KDC E, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Bùi Xuân L**, sinh năm: 1975.Địa chỉ: Số E V, khóm F, phường A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Có yêu cầu vắng mặt).

2. Bà **Nguyễn Thị Phương L1**, trú tại G, đường số A, KDC E, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. (Có yêu cầu vắng mặt).

3. **Công ty TNHH MTV K** (nay là Công ty cổ phần K1 và xây dựng TB 27/7-CTB).(gọi tắt là Công ty).

Địa chỉ: Tổ G, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Quang P2** – chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty: Ông **Nguyễn Thế S** (văn bản ủy quyền ngày 25/10/2021). Địa chỉ: K, đường số B, khu đô thị M, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.(Có mặt).

4. Ông **Phan Văn D**, sinh năm: 1965.Địa chỉ: Số A X, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. (Có yêu cầu vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Trần Nguyễn Duy T**- Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Thanh P3, thuộc Đoàn luật sư thành phố C. (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Quang P4, Công ty TNHH MTV K(nay là Công ty cổ phần K1 và xây dựng TB 27/7-CTB)kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2018 nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Ngày 17/10/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn có làm bản thỏa thuận là nguyên đơn cho bị đơn mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03161 do UBND quận N cấp ngày 08/4/2008 đứng tên nguyên đơn để vay 500.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng. Theo thỏa thuận này, nguyên đơn vẫn là người đứng tên vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông Phan Văn D. Sau khi vay được tiền nguyên đơn đã lần lượt đưa cho bị đơn số tiền đã vay là 500.000.000đồng (có kèm theo bảng chi tiền và 04 biên nhận tiền). Theo thỏa thuận, trong thời hạn 02 tháng tức đến ngày 17/12/2016 bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền trên. Tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa trả vốn. Trong quá trình vay vốn, bị đơn đã đóng lãi 02 lần của tháng 5 và tháng 6 nên nguyên đơn phải đóng lãi cho bị đơn từ ngày 17/7/2016 đến ngày 17/5/2018, tức 11 tháng là 220.000.000đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 17/5/2018 là 720.000.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 13/01/2022 ông Trần Quang P2 trình bày:

Ông khẳng định không phải là bị đơn trong vụ kiện mà ông chỉ liên quan với tư cách là đại diện trước pháp luật là Công ty TNHH MTV K (nay là Công

ty cổ phần K1) gọi tắt là Công ty). Vì lúc đó, Công ty có mục đích nhờ vợ chồng nguyên đơn là bác sĩ đứng ra lập các thủ tục để đủ điều kiện cho Công ty tiến hành các thủ tục mua bệnh viện Đ. Công việc không thành Công ty bị tổn thất rất nhiều, phía nguyên đơn thì không mất gì vì Công ty đã trả hết các khoản sự thật là như vậy, nguyên đơn đã lợi dụng các giấy tờ hợp thức hóa để thừa kiện. Công ty bị mắc lừa trong việc làm các điều kiện y tế để có điều kiện mua bệnh viện đa khoa. Cá nhân không có nhu cầu cho nên nguyên đơn kiện với tư cách bị đơn là không đúng bản chất tranh chấp. Do bên nguyên đơn thừa ra cơ quan công an nên tôi tường thuật sự việc và cơ quan công an cũng không làm rõ mối quan hệ tranh chấp. Nay dùng chứng cứ đó kiện là không đúng bản chất. Với tư cách là đại diện trước pháp luật của Công ty sẽ xem xét số tiền 190.000.000 đồng ngoài ra không có trách nhiệm gì vì có những khoản đã chi ra trả bằng tiền mặt nhưng do không trực tiếp làm nên không lưu giữ được chứng từ, có những giấy chỉ xác nhận không có giao dịch tiền bạc mà chủ yếu hợp thức hóa theo yêu cầu của nguyên đơn. Việc nguyên đơn tự đi vay và trả lãi thì Công ty không biết và cũng không tham gia. Nay nguyên đơn nại ra số nợ này là không có cơ sở. Do đó, bị đơn không chịu bất kỳ trách nhiệm gì vì bị đơn không có liên quan đến số nợ này mà trách nhiệm trả nợ là của Công ty. Đồng thời, việc vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn không có liên quan đến bà Nguyễn Thị Phương L1 vì bà L1 hoàn toàn không biết nên không có trách nhiệm trả số nợ này. Ngoài ra, do bị đơn bận công việc nên yêu cầu Tòa án cho vắng mặt tất cả phiên họp và xét xử.

Tại bản tự khai ngày 12/01/2022 bà Nguyễn Thị Phương L1 trình bày:

Bà khẳng định không có liên quan gì trong việc ông Trần Quang P2 là đại diện trước pháp luật của Công ty TNHH MTV K (nay là Công ty cổ phần K1). Có mối quan hệ tiền bạc với ông Trần Hữu P5 và bà Trần Thúy P1 như đơn khởi kiện đã yêu cầu. Việc ông P2 qua lại với nguyên đơn là không liên quan đến bà. Bản thân bà cũng không biết gì về số nợ này vì ông P2 không có nói cho bà biết. Do đó, bà khẳng định là bà không liên quan nên bà không chịu bất kỳ một trách nhiệm gì. Ngoài ra, do bà bận công việc nên yêu cầu Tòa án cho vắng mặt tất cả phiên họp và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Xuân L trình bày:

Ông không nhớ rõ thời gian nhưng khoảng vào năm 2016 ông Trần Quang P2 có vay của bà P1 số tiền 500.000.000 đồng thông qua việc nhờ bà P1 đi thế chấp giấy đất. Trong các biên nhận tiền đều là chữ ký của ông Trần Quang P2. Đối với biên nhận ngày 12/11/2016 và biên nhận ngày 01/11/2016 có chữ ký của ông là vì ông nhận dùm cho ông P2 và ông đã giao lại cho ông P2 nên ông P2 cũng có ký xác nhận. Đối với biên nhận ngày 12/11/2016 có chữ ký ông P2 xác nhận số tiền 305.000.000 đồng và ông chỉ ký chứng kiến nên ông không có liên quan đến việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Đồng thời, ông khẳng định việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là nợ cá nhân của ông Trần Quang P2 chứ không phải nợ của Công ty vì trước đây ông có làm việc cho Công ty K do

ông P2 làm giám đốc nên ông biết. Ngoài ra, do điều kiện ở xa nên ông xin được vắng mặt trong tất cả các phiên họp và phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 24/8/2018 ông Phan Văn D trình bày:

Ngày 17/10/2016 ông mua căn nhà của ông Trần Hữu P5 và bà Trần Thúy P1 có diện tích 60m², tại thửa số 850, tờ bản đồ số 13, đất tọa lạc khu vực I, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ với giá là 500.000.000đồng nhưng điều kiện là trong vòng 03 tháng nếu bà P1 có tiền thì cho mua lại với giá tiền trên. Khi hơn 03 tháng thì ông làm thủ tục sang tên về ông. Sau vài tháng bà P1 (vợ ông P5) có dẫn người đến kêu ông phải chuyển nhượng lại và đã trả cho ông 500.000.000đồng. Nay ông đã ký giấy chuyển nhượng và sang tên lại cho người mua do bà P1 dẫn tới nên toàn bộ giấy tờ là do bà P1 và người mua giữ. Ông đã không còn liên quan đến vụ án này. Do gia đình có con nhỏ nên ông không có thời gian để đến Tòa án được, ông yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ông Nguyễn Thế S thống nhất với bản tự khai của ông Trần Quang P2 và không có ý kiến gì thêm.

Tại xử bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2022/DSST ngày 17 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về nợ:* Bị đơn – ông Trần Quang P2 có nghĩa vụ trả tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/02/2022 là 532.187.500đồng cho nguyên đơn, trong đó:

- Nợ gốc: 495.000.000đồng (tính đến ngày 17/02/2022).
- Tiền lãi: 37.187.500đồng (tính đến ngày 17/02/2022).
- Tiền lãi chậm trả sẽ được tính tiếp từ ngày 18/02/2022 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

2. Thời hạn và phương thức trả nợ sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ điều chỉnh.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bị đơn phải chịu 25.287.500đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 16.400.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 006722 ngày 02/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 21/2/2022, của Ông Trần Quang P2 và Công ty cổ phần K1 và xây dựng TB 27/7 – CTB, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, nếu có sai sót cấp sơ thẩm mà cấp phúc thẩm không sửa được thì hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn và Công ty TNHH MTV K (nay là Công ty cổ phần K2 doanhtổng hợp và xây dựng TB 27/7-CTB), yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án theo đúng bản chất.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa:

Về hoạt động tố tụng: Người hoạt động tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát phân tích chứng cứ, các tình tiết trong vụ án, căn cứ quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về lãi suất. Áp dụng khoản 2 điều 308, sửa bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV K (nay là Công ty cổ phần K2 doanhtổng hợp và xây dựng TB 27/7-CTB).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bị đơn ông P6 rằng:

Bị đơn không có vay tiền nguyên đơn, người vay tiền nguyên đơn là Công ty. Mục đích Công ty vay tiền là để mua bệnh viện Đ. Công ty nhờ vợ chồng nguyên đơn là bác sĩ đứng ra lập các thủ tục để đủ điều kiện cho Công ty tiến hành các thủ tục mua bệnh viện Đ. Cá nhân bị đơn không có nhu cầu vay vốn, cho nên nguyên đơn kiện với tư cách bị đơn là không đúng bản chất tranh chấp. Công ty chỉ vay nguyên đơn 150.000.000đồng, không phải vay số 495.000.000đồng như nguyên đơn trình bày. Nay bị đơn chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 190.000.000đồng.

[3.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần kinh doanhtổng hợp và xây dựng TB 27/7-CTB. (gọi tắt là Công ty):

Công ty cổ phần K1 27/7-CTB yêu cầu xem xét để Công ty tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền 190.000.000đồng mà ông P2 có thừa nhận, mặc dù không có bất cứ chứng từ nào thể hiện Công ty vay nợ của nguyên đơn nhưng về mặt đạo đức thì Công ty phải đứng ra chịu trách nhiệm trả 190.000.000đồng này.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.3.1] Đối với Công ty cổ phần K1 và xây dựng TB 27/7-CTBkháng cáo cho rằng Công ty có vay nguyên đơn số tiền 150.000.000đồng và Công ty Đ1 trả cho nguyên đơn số tiền là 190.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn thì nguyên đơn không yêu cầu Công ty trả nợ, nguyên đơn xác định Công ty không có vay tiền nguyên đơn. Công ty cho rằng số nợ 150.000.000đồng nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là số tiền Công ty nợ nguyên đơn và Công ty chỉ vay nguyên đơn 150.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty trình bày nhưng Công ty không đưa ra được chứng từ nào để chứng minh cho việc thu và chi số tiền vay này. Hơn nữa mục đích vay số tiền này theo lời trình bày của ông P2 thì mục đích vay tiền nguyên đơn là để mua bệnh viện Đ, nhưng phía Công ty không có giấy phép kinh doanh bệnh viện, nên Hội đồng xác định số tiền vay này là của cá nhân ông P2 vay tiền, không phải Công ty vay, nên việc Công ty nhận trả số tiền vay 190.000.000đồng cho nguyên đơn là không có căn cứ. Vì vậy kháng cáo của Công ty là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3.2] Đối với phần kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn cho rằng mục đích vay tiền nguyên đơn là để chi ra trước chuẩn bị cho việc mua bệnh viện Đ. Bị đơn cho rằng số nợ này là do Công ty mượn nguyên đơn, ông P2 chỉ là người đại diện Công ty. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù có những biên nhận nợ có đóng mộc Công ty nhưng Công ty không có chức năng mua bệnh viện, số tiền vay này cũng không đưa vào sổ sách Công ty, nên Hội đồng xét xử xác định số nợ này là của cá nhân ông P2 vay tiền để chuẩn bị mua bệnh viện Đ, nên trách nhiệm trả nợ là của bị đơn.

Việc bị đơn cho rằng chỉ nợ nguyên đơn 150.000.000đồng, không phải 495.000.000đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm ông P2 không giải thích được tại sao ông P2 vay số tiền 150.000.000đồng với lãi suất 5%/tháng, nhưng bị đơn lại đóng lãi 10 tháng cho nguyên đơn với số tiền 180.000.000đồng, việc này được ông P2 khai tại tờ cam kết (bút lục 35) và Biên bản ghi lời khai tại cơ quan điều tra Công an thành phố C (bút lục 55). Điều này cho thấy lời khai chỉ vay nguyên đơn 150.000.000đồng của ông P2 không đúng. Số tiền vay phải là 495.000.000 đồng thì ông P2 mới đóng lãi 10 tháng cho nguyên đơn số lãi 180.000.000đồng với lãi suất 5% theo các bên thỏa thuận, nên ông P2 trình bày chỉ nợ nguyên đơn 150.000.000đồng là không đúng.

Ngoài ra cấp sơ thẩm nhận định lý do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy phù hợp, nhận định như sau:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký bản thỏa thuận ngày 17/10/2016 với nội dung là nguyên đơn cho bị đơn mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03161 do UBND quận N cấp ngày 08/4/2008 cho nguyên đơn đứng tên để vay số tiền 500.000.000đồng, lãi suất 5%/tháng. Trong bản thỏa thuận này ông Trần Quang P2 ký với tư cách là cá nhân nên không có đóng dấu của pháp nhân. Sau khi ký xong bản thỏa thuận ngày 17/10/2016 thì nguyên đơn có đem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp cho ông Phan Văn D với giá 500.000.000đồng

(nhưng hình thức ký kết là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất chứ không ký hợp đồng thế chấp). Sau khi vay được tiền, nguyên đơn có thực hiện các khoản chi theo yêu cầu của bị đơn nên bị đơn mới ký tên xác nhận vào các biên nhận ngày 05/8/2016, 01/11/2016, 21/11/2016, 12/11/2016 và lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với các khoản chi trong bảng chi tiền ngày 12/01/2017. Đồng thời tại Cơ quan điều tra Công an thành phố C ông Trần Quang P2 đã thừa nhận có nhờ nguyên đơn vay dùm 500.000.000đồng theo bản thỏa thuận ngày 17/10/2016. Tuy nhiên, ông P2 cho rằng thực tế chỉ nhận 190.000.000đồng nên ông P2 có viết cam kết sẽ trả cho nguyên đơn số tiền đã nhận là 190.000.000đồng.

Đối với biên nhận tiền ngày 12/11/2016 bị đơn thừa nhận có ký tên mà thực tế không nhận số tiền 305.000.000đồng, việc ký nhận chỉ là để hợp thức hóa giấy tờ nhưng bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc bị đơn không có nhận số tiền 305.000.000đồng này vì nếu không nhận tiền thì bị đơn có quyền không ký tên, còn nếu bị đơn tự nguyện ký tên xác nhận nợ thì bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm khi tính lãi có sai sót:

Cụ thể: Nợ gốc là 495.000.000đồng x 0,75%lãi/tháng x 55tháng - 170.000.000đồng (số tiền lãi nguyên đơn đã nhận) = 34.187.500đồng (tiền lãi suất còn lại). Tổng cộng bị đơn phải trả nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/02/2022 (đã trừ 170.000.000đồng tiền lãi nguyên đơn đã nhận) là 529.187.500đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn về lãi suất. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần K1 và xây dựng TB 27/7-CTB. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp và xây dựng TB 27/7-CTB kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Quang P2. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần kinh doanh tổng hợp và xây dựng TB 27/7-CTB. Sửa bản án sơ thẩm số 18/2022/DSST ngày 17 tháng 02 năm 2022, Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã tuyên:

Áp dụng:

- Điều 26, 35, 39, 147, 266, 269, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về nợ: Bị đơn – ông Trần Quang P2 có nghĩa vụ trả tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 17/02/2022 là 529.187.500 đồng cho nguyên đơn, trong đó:

- Nợ gốc: 495.000.000 đồng (tính đến ngày 17/02/2022).

- Tiền lãi: 34.187.500 đồng (tính đến ngày 17/02/2022).

- Tiền lãi chậm trả sẽ được tính tiếp từ ngày 18/02/2022 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho nguyên đơn theo mức lãi suất cơ bản 9%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

2. Thời hạn và phương thức trả nợ sẽ do Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ điều chỉnh.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 25.167.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 16.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 006722 ngày 02 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0008259 ngày 01 tháng 03 năm 2022 tại chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Buộc Công ty cổ phần K1 và xây dựng TB 27/7-CTB phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm Công ty đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008260 ngày 01 tháng 03 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ. Công ty đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND quận Cái Răng;
- Chi cục THADS quận Cái Răng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thanh Quốc